

Chuẩn bị bài nghe.

Task 1: Xem video sau. Sau đó, nối các từ bên dưới với nghĩa tương ứng.

Link:

<https://drive.google.com/file/d/1MBnY2W8w70NpzWCJUXcunSbbB0kQU8V3/view?usp=ssharing>

Nối từ và nghĩa tương ứng.

1. boring
 2. funny
 3. hilarious
 4. romantic
 5. silly
 6. thought-provoking
 7. unforgettable
 8. violent
 9. weird
-
- a. (adj): bạo lực
 - b. (adj): gây, làm chán
 - c. (adj): gây, làm cười
 - d. (adj): gây, làm cười nhiều
 - e. (adj): gây, làm suy nghĩ
 - f. (adj): không thể quên
 - g. (adj): kỳ lạ
 - h. (adj): lãng mạn
 - i. (adj): ngớ ngẩn

Task 2: Ví dụ một phim phù hợp với từng tính từ miêu tả bên dưới.

a funny movie	
a hilarious movie	
a silly movie	
a boring movie	
a weird movie	
an unforgettable movie	
a romantic movie	
a thought-provoking movie	
a violent movie	

Chuẩn bị bài đọc.

Link bài đọc:

https://drive.google.com/file/d/1uPURDtmvx7_KbwX620RR-NlqiiIxcBaP/view?usp=sharing

Task 1:

Đề:

Đọc bài đọc. Nối từ và nghĩa tương ứng.

1. aggressive
2. consequence
3. crime
4. encourage
5. limit
6. murder
7. prevent
8. realistic

- a. (v): giới hạn
- b. (n): hậu quả
- c. (adj): hung dữ
- d. (v): khuyến khích
- e. (n): ngăn chặn
- f. (n): thực tế
- g. (n): tội giết người
- h. (n): tội phạm

Task 2:

Đề:

UNDERSTAND FROM CONTEXT Circle the correct word or phrase to complete each statement, according to the information in the article.

- 1 (A realistic / An aggressive) person is someone who is likely to fight with others.
- 2 Scientific studies have reported that some kinds of movies and TV programs can (limit / encourage) aggressive behavior.
- 3 One kind of violent crime is (murder / bad behavior).
- 4 A word that means almost the same thing as hurt is (help / harm).
- 5 It's difficult to (permit / prevent) older children from seeing any violence on TV and in movies.
- 6 Research has suggested that (a consequence / an advantage) of watching violent films is aggressive behavior.